UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 23 /GPMT-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 7 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 07 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 1161/2022/ICT VN ngày 11 tháng 6 năm 2022 của Công ty TNHH ICT VINA và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH ICT VINA, địa chỉ tại: Lô A18-1 đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất thiết bị y tế ICT VINA II với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất thiết bị y tế ICT VINA II.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A19 đường số 12, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: mã số doanh nghiệp: 0401908261, chứng nhận thay đổi lần thứ 11, ngày 24 tháng 3 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

1.4. Mã số thuế: 0401908261

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất máy chụp cắt lớp CT, máy mài dùng trong nha khoa, răng nhân tạo (răng implant), ghế nha khoa.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư: Sản xuất máy chụp cắt lớp CT, máy mài dùng trong nha khoa, răng nhân tạo (răng implant), ghế nha khoa với tổng công suất sản phẩm tối đa là 24.393.600 sản phẩm/năm, được phân thành 03 giai đoạn đầu tư như sau:

TT	Giai đoạn đầu tư	Sản phẩm	Công suất (sản phẩm/năm)
1	Giai đoạn 1	Sản xuất máy chụp cắt lớp CT, máy mài dùng trong nha khoa, răng implant (răng nhân tạo), ghế nha khoa	5.590.200
2	Giai đoạn 2	Sản xuất máy chụp cắt lớp CT, máy mài dùng trong nha khoa, răng implant (răng nhân tạo), ghế nha khoa	7.477.800
3	Giai đoạn 3	Sản xuất máy chụp cắt lớp CT, máy mài dùng trong nha khoa, răng implant (răng nhân tạo), ghế nha khoa	11.325.600
	Tổng cộng (3 giai đoạn)		**24.393.600**

Phạm vi cấp giấy phép môi trường không bao gồm các hạng mục: (1) bồi thường, giải phóng mặt bằng; (2) khai thác khoáng sản (kể cả khai thác tận thu, nếu có); khai thác tài nguyên nước; (3) hoạt động vận chuyển nguyên liệu, vật liệu từ các cơ sở cung cấp đến khu vực thực hiện dự án.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH ICT VINA

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH ICT VINA có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và các quy định khác có liên quan; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, UBND huyện Hòa Vang, UBND xã Hòa Liên và các cơ quan chức năng liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Nhà máy sản xuất thiết bị y tế ICT VINA II theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- UBND thành phố (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng (phối hợp);
- UBND huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Liên;
- Trung tâm CNTT TN & MT (phối hợp);
- Công ty TNHH ICT VINA (thực hiện);
- Lưu: VT, CCMT, D.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Võ Nguyên Chương

Quét mã QR tại đây để tải giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị y tế ICT VINA II

Phụ lục I

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23 /GPMT-STNMT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Khối lượng phát sinh: khoảng 41.765,08 kg/năm.
- Chủng loại:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài, …)	Rắn	07 03 08	20.326,2
2	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	9.859,68
3	Phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu mài ra có lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/ Lỏng	07 03 11	6.322,7
4	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/ Lỏng	16 01 08	36
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	32
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	30
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	2.000
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	500
9	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06	2.000
10	Dầu gốc khoáng không có hợp chất halogen hữu cơ thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 02	12
11	Bùn thải từ quá trình gia công tạo hình	Rắn/Lỏng	07 03 16	504
12	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	Rắn	19 02 06	142,5
	Tổng cộng	-	-	**41.765,08**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khối lượng phát sinh: khoảng 181.463,8 kg/năm.

- Chủng loại:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sản phẩm hỏng từ quá trình sản xuất thân răng, chân răng	1.463,5
2	Phôi (vụn kim loại) từ quá trình cắt gọt, tạo hình chân răng, thân răng	168.600,3
3	Các loại chất thải khác như bao bì carton, giấy, …	11.400
	Tổng cộng	**181.463,8**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 64.281,8 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí đầy đủ thiết bị phân loại, lưu chứa chất thải nguy hại, đảm bảo thu gom đầy đủ khối lượng chất thải nguy hại phát sinh, cụ thể như sau:

+ Bột cát phun lẫn bột kim loại thải được thu gom hàng ngày và lưu chứa bằng thùng chứa riêng loại 120 lít (05 thùng), đặt tại kho chứa chất thải nguy hại.

+ Dung dịch dầu thải bỏ định kỳ được lưu chứa bằng thùng phuy chứa riêng biệt, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại.

+ Cặn kim loại nhiễm dầu thu gom từ máy tách phôi cặn được thu gom và lưu chứa bằng 03 thùng chứa riêng biệt.

+ Lượng dầu mỡ thải tách ra từ dòng nước thải sản xuất được lưu chứa tại 01 bể chứa dầu dung tích 36 m^3.

+ Lượng cặn, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất được thu gom, lưu chứa tại 01 bể chứa bùn có dung tích 34,58 m^3.

+ Các loại chất thải nguy hại còn lại: giẻ lau, ắc quy hỏng, bóng đèn, bo mạch điện tử… được phân loại và lưu chứa bằng thùng chứa riêng loại 120 lít (04 thùng), đặt tại kho chứa chất thải nguy hại.

- Bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng yêu cầu tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 162 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà:

+ Sàn bê tông, xoa láng mặt bằng máy, xử lý bề mặt bằng dung dịch làm cứng và bóng sàn dày 50mm.

+ Chân tường: Thép U, dày 0,8mm được sơn tĩnh điện.

+ Tường: Dày 75 mm, hệ khung đỡ thép, và tấm panel polyurethane.

+ Mái: khung kèo thép, xà gồ mạ kẽm, tấm tole màu dày 0,5mm.

+ 4 góc ngoài của khu vực lưa chứa lắp đặt ống thoát nước mái uPVC D75mm.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng yêu cầu tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Linh kiện, sản phẩm hỏng và phế phẩm được thu gom, phân loại, lưu chứa trong các bao tải (20 cái) tại kho lưu chứa chất thải sản xuất.

- Vụn kim loại (phôi) được thu gom hàng ngày và lưu chứa bằng các thùng chứa riêng loại 240 lít (15 thùng) hoặc bằng bao tải, đặt tại kho lưu hứa chất thải sản xuất.

- Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường còn lại như: bao bì, ni lông, xốp, băng keo, giấy các loại… được thu gom hàng ngày, phân loại và lưu chứa tại kho lưu chứa chất thải sản xuất.

- Thiết bị, dụng cụ lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 02 kho, mỗi kho có diện tích 62,5 m^2 bố trí trong nhà xưởng sản xuất tại khu xưởng CNC.

- Thiết kế cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Nằm trong nhà xưởng nên tuân theo tiêu chuẩn thiết kế nhà xưởng công nghiệp.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí đầy đủ thiết bị phân loại, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo thu gom đầy đủ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Tại kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, bố trí 06 thùng chứa loại 240 lít.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà được bố trí tại dự án, có nền bê tông cao hơn mặt bằng sân bãi 10 cm.

TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục II

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23 /GPMT-STNMT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Công khai giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động của dự án, đảm bảo không gây tác động xấu đến môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, đánh giá và các kết quả tính toán nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án.

4. Thực hiện các trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy định tại Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

5. Chỉ được phép hoạt động các hạng mục công trình dự án khi hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường của dự án đã hoàn thiện và đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định.

6. Đảm bảo sự phù hợp của dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

7. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra sự cố môi trường, cháy nổ, an toàn lao động và phải bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hoạt động thi công xây dựng, hoạt động của dự án gây ra.

8. Ban hành, công khai và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

9. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và gửi đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Hình thức báo cáo công tác bảo vệ môi trường và phương thức gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

10. Thực hiện lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.